



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Tai Danh
Last Middle First

Current Address: 430/38 Ca'ch Mang Th' 8 - Q 3 - HCM

Date of Birth: 1928 Place of Birth: Trà Vinh

Previous Occupation (before 1975) 2 LT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/75 To 5/25/78
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

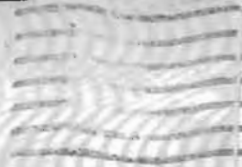
5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM:



25 USA



APR 9 1990



TO: PÀ KHUẾ MINH THU
P.O. BOX 5435
VIRGINIA 22205-0635
Arlington USA

PAR AVION VIA AIR MAIL

Chánh phủ Sài Gòn Việt NAM 22/03/90

Kính gửi: - 131 Soi Tien Sian - Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand 10120.

- Bà Khuê Minh Bê P.O BOX 5435
(VA) - Virginia 2205 - 0635 USA.

- Chu Huy có Văn Mỹ Trung tá pat
y sĩ Đại úy Waterbury.

Tên: Nguyễn Tài Sinh sinh năm 1928 liên thưng
trú tại số 430/88 CMT.

Vì bản thân tôi là 1 sĩ quan chế độ cũ sống
và làm việc đúng 22 năm trong quân đội VNCH
chiến úy số quân 48/483468/BCH/C2/LL DB 883/
QX/BĐQ/CCCFO Tồn trữ được vì với số tuổi già
con đang sống trong chế độ CS cho đến hôm nay
gia đình chúng tôi mới báo đang biên thư này
đến quý Ông có chức năng giúp đỡ dùm gia
đình tôi được viên lo của chánh phủ Hủ Kỳ
để được ra đi theo diện HO vì cái lý lịch của gót
chúng tôi rất khó sống. Vậy kính mong quý bạn
có chức năng vui lòng giúp đỡ dùm hơm cần
của gia đình chúng tôi

Kính Thư

Danh
Nguyễn Tài Danh.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

Date: 22.03.1990
Ngày: _____

A. Basic Identification Data
Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN TÀI DANH
2. Other Names
Họ, tên khác : 28-10-1928 Hiệp Mỹ. Bravin
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh : Cần Long
4. Residence Address
Địa chỉ Thường trú : 430/38 Đường Cách mạng tháng 8
Quận Ba Tháng phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa chỉ Thư từ : 430/38 Đường Cách mạng tháng 8
Quận Ba Tháng phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề nghiệp : Y tá

B. Relatives To Accompany Me
Đã con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. <u>Phùng Thị Hải</u>	<u>25.5.1932</u>	<u>Phước Đông (Vũng Lông)</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Nguyễn Văn Hùng</u>	<u>25.7.1955</u>	<u>Phước An (Gò Vấp)</u>	<u>Nam</u>	<u>M</u>	<u>Con</u>
3. <u>Hồ Thị Anh Hồng</u>	<u>16.10.1958</u>	<u>Phước An (Gò Vấp)</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
4. <u>Ngô Văn Phát</u>	<u>23.11.1960</u>	<u>Phước An (Gò Vấp)</u>	<u>Nam</u>	<u>M</u>	<u>Con</u>
5. <u>Ngô Thị Ánh Tuyết</u>	<u>04.9.1963</u>	<u>Phước An (Gò Vấp)</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Con</u>
6. <u>Ngô Văn Đạt</u>	<u>18.2.1965</u>	<u>Phước An (Gò Vấp)</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
7. <u>Ngô Văn Thịnh</u>	<u>13.5.1967</u>	<u>Tân Sơn Nhì (Gò Vấp)</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
8. <u>Ngô Thị Ánh Nguyệt</u>	<u>8.9.1968</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
9. <u>Ngô Thị Tuyết Nhung</u>	<u>9.2.1970</u>	<u>266. Ng. Văn Chấn</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>con</u>
10. <u>Ngô Văn Văn Long</u>	<u>10.11.1972</u>	<u>Đ. NT</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>con</u>
11. <u>Ngô Thị Thanh</u>	<u>1979</u>	<u>Thanh Mỹ (Gò Vấp)</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Dâu</u>
12. <u>Ngô Văn Trường Vinh</u>	<u>1982</u>	<u>Đào Sơn (Q.1)</u>	<u>Nam</u>		<u>Cháu</u>
13. <u>Ngô Văn Trường Thành</u>	<u>1988</u>	<u>Hưng Vương</u>	<u>Nam</u>		<u>Cháu</u>

C. Relatives Outside Vietnam
Họ hàng ở Ngoài quốc

1. Closest relative in the U.S.
Đã con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

- a. Name
Họ, tên : _____
- b. Relationship
Liên hệ Gia đình : _____
- c. Address
Địa chỉ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Ba con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình:

c. Address

Địa chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh sách Toàn thể Gia đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa chỉ

1. Father

Cha

: Nguyễn Văn Cường

chết năm 1970

2. Mother

Mẹ

: Lê Thị Trang

chết năm

3. Spouse

Vợ/chồng

: Phùng Thị Hải

430/38 Đường Cầu Mang Thang 8, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

4. Former Spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái

- (1) Nguyễn Văn Hùng 112A Đường Cao Thắng, Q3, TP. HCM
(2) Nguyễn Văn Dũng 34/34, Quận 10, TP. HCM
(3) Nguyễn Thị Mỹ Hằng 430/38 Cầu Mang Thang 8, Q3, TP. HCM
(4) Nguyễn Văn Phát
(5) Nguyễn Thị Anh Nguyệt 332 Huỳnh Văn Baul, Phú Nhuận
(6) Nguyễn Văn Đạt 430/38 CH. TB, Phường 3, Quận 3, TP. HCM
(7) Nguyễn Văn Bình
(8) Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt
(9) Nguyễn Thị Nguyệt Nhung
(10) Nguyễn Văn Tường

6. Siblings

Anh chị em

- (1) Nguyễn Thị Búp Xã Mỹ Hòa, huyện Cần Giuộc, Tỉnh Cần Thơ
(2) Nguyễn Thị Vàng 301/19 Nguyễn Văn Baul, Q3, TP. HCM
(3) Nguyễn Văn Bình
(4) Nguyễn Văn Hòa
(5) Nguyễn Thị Bình
(6) Nguyễn Văn Châu
(7)
(8)
(9)
(10)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse.

Bạn hoặc Vợ/chồng đã có làm việc cho Công sở của Chính phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ.

1. Name of Person Employed:

Họ Tên Nhân viên:

2. Dates:

Ngày, Tháng, Năm

From:

Từ:

To:

Đến:

1

2

3

4

③

3. Title of (Last) Positions Held

Chức vụ Công việc : 1

2

3

4

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn Phòng : 1

2

3

4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ/Người Giám Thị : 1

2

3

4

6. Reason for Leaving

Lý do Ra đi : 1

2

3

4

7. Training for Job in Vietnam:

Nghề nghiệp Huấn luyện tại Việt-Nam : 1

2

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham gia :

NGUYEN-TAI-DANH

2. Dates:

From :

To :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

Ngày, Tháng, Năm

At :

Until :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes _____ No _____

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy Ban khen, hoặc Chứng thư nếu có.)

Đường sự có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam Of You or Your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1. Name of Student/ Trainee :
Họ Tên Sinh-viên/Người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và Địa-chỉ Nhà trường : _____
3. Dates : From : _____ To : _____
Ngày, Tháng, Năm Từ : _____ Đến : _____
4. Description of Courses :
Mô tả Ngành học : _____
5. Who paid for training ? :
Ai trả tiền Chương trình Huấn-luyện? : _____

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available? Yes ___ No ___.)
(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không?
Có ___ Không ___.)

H. Re-education of You or Your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Học-tập Cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation :
Họ Tên Người đi Học-tập Cải-tạo : NGUYỄN - TÀI DANH
2. Total time in Reeducation : _____ years _____ months _____ days
Tổng cộng Thời gian Học-tập Cải-tạo 03 năm tháng Ngày
3. Still in Reeducation ? Yes _____ No _____
Vẫn còn Học-tập Cải-tạo? Có _____ Không _____

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any additional Remarks ?

Ước-chú phụ thuộc

Signature : _____

Ký tên : _____

Date : _____

Ngày : _____

22. 03. 1990.

J. Please list Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả Giấy tờ kèm theo với số Câu hỏi này.

HỒ QUỐC PHONG,
CỤC QUẢN PHẠP
ĐOÀN 700
Số: 4308/QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTG ngày 28-08-1977 của Bộ trưởng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chức năng đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và Đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư lệnh bộ quốc phòng - Nội vụ số 07 TT/LB ngày 19-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTG ngày 28-08-1977 của Bộ trưởng Chính phủ.

Đã xem xét quyết định số 30/QĐ ngày 12-05-78 của Bộ trưởng Bộ nội vụ

- CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN - TÀI - DANH L 19-76-Đ4.

Ngày, tháng, năm sinh: 1928

Quốc tịch: Việt Nam

SAO VÀ BẢNG CHÁNH

Đầu quân: 430/30 CM tháng 8, quân 3, TP HỒ CHÍ MINH

Nơi cho về: Ấp Mỹ Cẩm A, Mỹ Hòa, Cầu Ngang, Cầu Long.

Trình cấp, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân đội và các

tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 48/123.468, Chức vụ,

Đã được bổ nhiệm làm quan hệ chính quyền - y, Căn cứ 70 tôn - tư

- Khi về, phải thực hiện trình ngay ngay đây với Ủy Ban Nhân Dân và Công an xã,

Phường: Mỹ Hòa, thuộc huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, Thành phố: Cầu Long.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc

quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng

- Thời hạn đi đống:

ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại)

- Bên và lương thực đi đống tại cấp:

Ngày 25 tháng 05 năm 1978

Đã TỰ LỆNH ĐOÀN 700

(Ký tên và đóng dấu)

Trung tá: NGUYỄN-VĂN-DÂN